

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Số: 1741/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
đường giao thông cứu hộ vùng 2, huyện Hương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều Luật đầu tư công; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường giao thông cứu hộ vùng 2, huyện Hương Sơn;

Xét đề nghị của UBND huyện Hương Sơn tại Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 20/5/2019; Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1559/BC-SGTVT ngày 04/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông cứu hộ vùng 2, huyện Hương Sơn.

2. Nhóm, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp III.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Tiến, huyện Huyện Sơn.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Huyện Sơn.

5. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty cổ tư vấn xây dựng HĐT. Địa chỉ: Thành phố Vinh - Nghệ An.

6. Mục tiêu đầu tư:

Để từng bước đầu tư đồng bộ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông của địa phương theo quy hoạch được phê duyệt; đảm bảo giao thông thuận lợi của người dân trong vùng, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, phát triển sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của địa phương.

7. Quy mô và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

Đầu tư xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài 6.087,85m. Điểm đầu giao với đường liên xã LX-06 (đường liên xã Sơn Tiến - Sơn An - Sơn Thịnh), điểm cuối giao với đường Hồ Chí Minh tại Km766+707; trong đó, đoạn Km0+00 ÷ Km1+736,50 (đoạn 1) thiết kế đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi, đoạn Km1+736,50 ÷ Km6+87,85 (đoạn 2) thiết kế đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

7.1. Bình đồ: Cơ bản bám theo đường cũ hiện trạng, phù hợp hướng tuyến tổng thể theo quy hoạch được duyệt; có năm chỉnh cục bộ một số vị trí đỉnh đường cong nhằm nâng cao chất lượng khai thác, phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường tương ứng; bình đồ tuyến được khống chế theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

7.2. Trắc dọc: Thiết kế trên cơ sở phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất và thủy văn, các vị trí công trình, các điểm khống chế trên tuyến (cầu cống, nút giao), phù hợp với cấp đường; trắc dọc tuyến được gắn với hệ cao độ quốc gia.

7.3. Quy mô mặt cắt ngang:

- Đoạn Km0+00 ÷ Km1+736,50: Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 6,5m$, chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 3,5m$, chiều rộng lề đất $B_{lđ} = 2 \times 0,5m = 1,0m$, chiều rộng lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 1,0m = 2,0m$.

- Đoạn Km1+736,50 ÷ Km6+87,85: Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 7,5m$, chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 5,5m$, chiều rộng lề đất $B_{lđ} = 2 \times 1,0m = 2,0m$.

7.4. Nền đường: Đắp bằng đất đồi đầm chặt $K \geq 0,95$ ($CBR \geq 4$); đối với phạm vi nền đường làm mới, mở rộng, tối thiểu 30cm nền đường dưới đáy áo đường đảm bảo độ đầm chặt $K \geq 0,98$ ($CBR \geq 6$). Trước khi đắp, đào bóc lớp đất hữu cơ dày tối thiểu 30cm; đánh cấp đối với các vị trí có độ dốc ngang $\geq 20\%$. Mái dốc taluy nền đường đắp 1/1,5, taluy nền đường đào 1/1,0.

7.5. Kết cấu mặt đường: Bề mặt bê tông xi măng trên lớp móng cấp phối đá dăm, kết cấu cụ thể như sau:

- Kết cấu áo đường làm mới, mở rộng: Lớp mặt BTXM M300 dày 22cm; 01 lớp lót bạt xác rắn; lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

- Kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường cũ: Lớp mặt BTXM dày 22cm; 01 lớp bạt lót xác rắn; lớp bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại 2 hoặc bê tông mặt đường.

7.6. Thiết kế nút giao, đường giao:

- Nút giao: Thiết kế nút giao cùng mức, dạng giản đơn, đảm bảo điều kiện xe chạy an toàn, êm thuận, dễ nhận biết tại Km0+00 (giao đường liên xã LX-06), Km1+776,91 (giao với đường trục xã TX-15) và tại Km6+87,85 (giao đường Hồ Chí Minh).

- Đường giao: Đối với các vị trí giao đường ngang dân sinh, đường nội đồng hiện hữu, thiết kế vuốt nối vào tuyến chính đảm bảo hài hòa, êm thuận.

7.7. Công trình cầu: Toàn tuyến làm mới 02 cầu tại Km3+404,30 và tại Km3+925,07. Quy mô giải pháp thiết kế như sau:

- Quy mô thiết kế: Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực; tải trọng thiết kế HL93 (tiêu chuẩn 22TCN272-05); khổ cầu $B = 7,0 + 2 \times 0,5 = 8,0\text{m}$; tần suất thiết kế $P = 4\%$.

- Giải pháp kết cấu: Kết cấu gồm 01 nhịp giản đơn, dầm I bằng BTCT DƯL nhịp 24m; chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mố là $L_c = 34,10\text{m}$.

- Kết cấu phần trên: Mặt cắt ngang gồm 04 dầm I bằng BTCT DƯL căng sau 40MPa có chiều cao 145cm, đặt cách nhau 2,1m; bản mặt cầu bằng BTCT 30MPa, chiều dày 20cm tại tim dầm; gối cầu bằng cao su cốt bản thép; khe co giãn bằng dạng ray thép; lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng; gờ chắn bánh bằng BTCT 30MPa.

- Kết cấu phần dưới: Hai mố giống nhau, dạng chữ U bằng BTCT 30MPa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ gồm 05 cọc khoan nhồi BTCT 30MPa đường kính 1,0m; chiều dài dự kiến 12m. Hai đầu mố bố trí bản dẫn bằng BTCT 25MPa.

- Đường đầu cầu: Đoạn 10m sau đuôi mố có $B_{nền} = 9,0\text{m}$, $B_{mặt} = 7,0\text{m}$ vuốt về chiều rộng nền thông thường $B_{nền} = 7,5\text{m}$, $B_{mặt} = 5,5\text{m}$ trên đoạn vuốt nối dài 15m; phần mái taluy tứ nón, taluy đường đầu cầu được gia cố bằng đá học xây vữa xi măng 8MPa, móng chân khay bằng bê tông 15MPa.

7.8. Công trình công thoát nước ngang:

Toàn tuyến thiết kế làm mới 22 cống các loại, gồm 07 cống bản $L_0 = 0,75\text{m}$, 08 cống bản $L_0 = 1,0\text{m}$, 01 cống hộp $b \times h = (3 \times 3)\text{m}$, 02 cống hộp $n \times (b \times h) = 2 \times (3 \times 3)\text{m}$, 02 cống tròn $D = 1,0\text{m}$, 02 cống tròn $2D = 2 \times 1,5\text{m}$. Kết cấu cống các loại cụ thể như sau:

- Cống bản: Móng, thân, tường cánh, sân cống, gia cố thượng hạ lưu cống bằng bê tông xi măng M150; mũ mố bằng bê tông cốt thép M250 đổ tại chỗ, tấm bản bằng bê tông cốt thép M250 lắp ghép; mối nối tấm bản bằng bê tông M250.

- Cống hộp: Móng đầu cống, sân cống, tường đầu, tường cánh bằng bê tông xi măng M150; móng cống bằng bê tông xi măng M200; bê tông thân cống, bản dẫn bằng bê tông cốt thép M300; gia cố thượng hạ lưu cống bằng đá học xây vữa xi măng M100.

- Công tròn: Móng công, sân công, tường đầu, tường cánh, gia cố thượng hạ lưu công bằng bê tông xi măng M150; ống công bằng bê tông cốt thép đúc sẵn M200; gia cố mái dốc thượng hạ lưu bằng đá học xây xây vữa xi măng M100.

7.9. Công trình thoát nước dọc: Dọc hai bên các đoạn nền đường đào đất hoặc đắp thấp bố trí rãnh dọc tiết diện hình thang $(b+B) \times h = (40+120) \times 40 \text{cm}$.

7.10. An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

7.11 Các hạng mục công trình khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định.

8. Tổng mức đầu tư: **49.720.000.000** đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 41.998.081.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 889.596.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 3.214.896.000 đồng
- Chi phí khác: 2.404.744.000 đồng
- Dự phòng: 1.212.683.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương hỗ trợ 45 tỷ đồng từ nguồn dự phòng năm 2018 (đã bố trí tại Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ và được Bộ Tài chính thông báo tại Văn bản số 560/BTC-ĐT ngày 11/01/2019), ngân sách huyện Hương Sơn bố trí phần còn lại 4,72 tỷ đồng (theo Văn bản số 130/HĐND ngày 08/3/2019, Văn bản số 149/HĐND ngày 03/6/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn).

10. Phương án giải phóng mặt bằng: Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn chịu trách nhiệm tổ chức GPMB, triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ.

11. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành.

12. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn năm 2019-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn (chủ đầu tư) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PVP Nguyễn Duy Nghị;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, GT₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh